

Bản án số: 174 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 7 -2022

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh T1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240 /2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127 /2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thùy T**, sinh năm 1992

HKTT: số 137, tổ 4, đội 6, ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 287, tổ 12, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh **Hà Văn T1**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 137, tổ 4, đội 6, ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T trình bày: Chị và anh T1 cưới nhau năm 2009, đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã H1. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cãi nhau, anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên không lo cho gia đình làm cho tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Ngọc Bảo T2, sinh ngày 22/8/2009 và Hà Đức T3 sinh ngày 26/6/2014. Hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Chị T yêu cầu được ly hôn anh T1. Con chung chưa thành niên chị yêu cầu nuôi, yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

- Bị đơn anh Hà Văn T1 dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Võ Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Hà Văn T1, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Thùy T ngày 17/5/2022 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm, không có thời gian đến Tòa nhiều lần. Đối với anh Hà Văn T1 dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2009, đăng ký kết hôn năm 2010 Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay , không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp nhau, thường hay xảy ra cự cãi, anh T1 không lo chăm sóc gia đình. Chính quyền địa phương cũng xác nhận chị T do mâu thuẫn gia đình nên xin ly hôn anh T1. Đối với anh T1 dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc chị T ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Ngọc Bảo T2, sinh ngày 22/8/2009 và Hà Đức T3 sinh ngày 26/6/2014, hiện đang sống cùng chị T. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 con chung sau ly hôn. Đối với anh T1 không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị T. Xét thấy, hiện các con chung đang sống ổn định với chị T, các cháu cũng có nguyện vọng sống cùng chị. Chính quyền địa phương cũng xác nhận chị T đủ điều kiện nuôi con. Do đó để đảm bảo sự phát triển và tránh xáo trộn cuộc sống con chung nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Hà Ngọc Bảo T2 và Hà Đức T3 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật. Xét thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con đối với con chung và hiện tại các con chung đang đi học, cần nhiều chi phí trong cuộc sống. Do đó Hội đồng xét xử xem xét buộc anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng/ con cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận; anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238, 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Thùy T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Thùy T ly hôn với anh Hà Văn T1.

2. Con chung:

2.1. Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Hà Ngọc Bảo T2, sinh ngày 22/8/2009 và Hà Đức T3 sinh ngày 26/6/2014 cho chị Võ Thị Thùy T nuôi dưỡng.

2.2. Anh Hà Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Hà Ngọc Bảo T2, sinh ngày 22/8/2009 và Hà Đức T3 sinh ngày 26/6/2014 mỗi tháng 1.000.000đồng/ cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị Võ Thị Thùy T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009532 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

Anh Hà Văn T1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm(nghĩa vụ cấp dưỡng).

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Bản án, quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

6.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T1 chậm thi hành đối với số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi

theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6.3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Thùy T, anh Hà Văn T1 có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Riêng phần quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

